Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7322.19.00

Mã HS	7322.19.00
Mô tả hàng hóa	Lò sưởi của hệ thống nhiệt trung tâm không dùng điện và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép; thiết bị làm nóng không khí và bộ phận phân phối khí nóng (kể cả loại có khả năng phân phối không khí tự nhiên hoặc khí điều hòa), không làm nóng bằng điện, có lắp quạt hoặc quạt thổi chạy bằng mô tơ, và bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép / - Lò sưởi và bộ phận của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 18:26:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/73221900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11910
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11910
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11910
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11265
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11208
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11208
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11208
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11208
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11208
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11208
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11260
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11260
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11260
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11260

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11260
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11260
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11261
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11261
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11261
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11261
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11261
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11261
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11264
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11214
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11220
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11220
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11220
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11220
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11220
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11220
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11251
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11251
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11251
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11251
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11251
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11251
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11298
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11298
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11298
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11298

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11298
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11298
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11283
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11283
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11283
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11283
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11283
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11283
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D11283
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E11283
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F11283
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G11283
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H11283
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11283
EVFTA	2022	2022	15	EV-NK!D11300
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E11300
EVFTA	2024	2024	5	EV-NK!F11300
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11300
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11300
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11300
UKVFTA	2022	2022	15	UKV!D11299
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E11299
UKVFTA	2024	2024	5	UKV!F11299
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11299
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11299
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11299

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11246
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11246
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11246
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11246
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11246
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11246
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11246
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11283
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11283
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11283
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11283
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11283
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11283
RCEP B	2022	2022	0	B!D11283
RCEP B	2023	2023	0	B!E11283
RCEP B	2024	2024	0	B!F11283
RCEP B	2025	2025	0	B!G11283
RCEP B	2026	2026	0	B!H11283
RCEP B	2027	2027	0	B!I11283
RCEP C	2022	2022	0	C!D11283
RCEP C	2023	2023	0	C!E11283
RCEP C	2024	2024	0	C!F11283
RCEP C	2025	2025	0	C!G11283
RCEP C	2026	2026	0	C!H11283
RCEP C	2027	2027	0	C!I11283
RCEP D	2022	2022	0	D!D11282

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11282
RCEP D	2024	2024	0	D!F11282
RCEP D	2025	2025	0	D!G11282
RCEP D	2026	2026	0	D!H11282
RCEP D	2027	2027	0	D!I11282
RCEP E	2022	2022	0	E!D11286
RCEP E	2023	2023	0	E!E11286
RCEP E	2024	2024	0	E!F11286
RCEP E	2025	2025	0	E!G11286
RCEP E	2026	2026	0	E!H11286
RCEP E	2027	2027	0	E!I11286
RCEP F	2022	2022	0	F!D11283
RCEP F	2023	2023	0	F!E11283
RCEP F	2024	2024	0	F!F11283
RCEP F	2025	2025	0	F!G11283
RCEP F	2026	2026	0	F!H11283
RCEP F	2027	2027	0	F!I11283
VIFTA	2024	2024	25.7	VI!F10451
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G10451
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H10451
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I10451

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7322.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 7322.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11910), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.